

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN ĐƯỚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành

2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đức.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Vương K, sinh năm 1976, địa chỉ: ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

*Bị đơn:* Bà Bùi Thị Tuyết N, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Vương K cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng ông K và bà N tự nguyện quen biết, tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01, ngày 17/11/2005. Hôn nhân là tự nguyện. Trước khi kết hôn, vợ chồng ông K có tìm hiểu nhau được 02 năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài, không có mâu thuẫn gì. Ông K xác định thời gian chung sống, bà N luôn làm tròn vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình, không làm việc gì có lỗi với chồng, với con. Lý do ông K yêu cầu ly hôn với bà N là do ông K đi làm xa nhà, vợ chồng ít gặp gỡ nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến vào tháng 9/2019, ông K nảy sinh tình cảm với với người phụ nữ khác, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà N, ông K nhận thấy rằng nếu tiếp tục chung sống với bà N, cả ông và bà N đều không hạnh phúc. Ông K

không đồng ý với các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng do bà N đề xuất. Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và bà N được ly hôn.

Về con chung: ông K và bà N chung sống có hai người con chung tên Trần Nguyên K1, sinh ngày 08/9/2006 và Trần N K2, sinh ngày 12/5/2008. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/02 người con/tháng

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Bùi Thị Tuyết N trình bày: Bà N thống nhất với lời trình của ông K về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về thời gian chung sống hạnh phúc, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Trước thời điểm, ông K nộp đơn ly hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Bà N luôn làm đúng vai trò của người vợ, người mẹ. Ông K trình bày do ông K đi làm xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, bà N không đồng ý, vì đây không phải là lần đầu ông K đi làm xa nhà, nhưng trước đó tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà N còn thương ông K và mong muốn cho con có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên bà N không đồng ý ly hôn. Bà N đề xuất giải pháp đoàn tụ là bà N sẽ sắp xếp công việc ở quê để lên chung sống với ông K ở chỗ làm của ông K để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm với nhau. Trong trường hợp, ông K vẫn kiên quyết ly hôn, bà N cũng không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Trong trường hợp, Tòa án giải quyết cho bà và ông K ly hôn, bà N đồng ý nuôi dưỡng hai người con chung. Đối với mức cấp dưỡng, bà N không có ý kiến.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: ông Trần Vương K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Tuyết N, có nơi cư trú tại ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Cần Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: ông Trần Vương K và bà Bùi Thị Tuyết N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01, ngày 17/11/2005, nên xác định hôn nhân giữa ông K và bà N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông K cho rằng thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian dài, vợ chồng không có mâu thuẫn. Nguyên nhân ông K nộp đơn ly hôn là do ông K đi làm xa nhà, vợ chồng ít gặp gỡ nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vào tháng 9/2019, ông K nảy sinh tình cảm với người phụ

nữ khác, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà N, nên ông K yêu cầu nộp đơn ly hôn với bà N. Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ông K và bà N đều khẳng định trong thời gian vợ chồng bắt đầu chung sống cho đến trước thời điểm ông K nộp đơn yêu cầu ly hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc trong một khoảng thời gian dài, không có mâu thuẫn gì, bà N luôn làm đúng vai trò của người vợ, người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lý do ông K yêu cầu được ly hôn với bà N là không chính đáng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc ly hôn với bà N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc ly hôn với bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[4] Về án phí: Ông K phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Vương K về việc yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Tuyết N.

Về án phí: ông Trần Vương K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số 0008476 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Đước sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**